

MỘT SỐ BẤT CẬP TRONG LUẬT PHÁ SẢN NĂM 2004

*ThS. NGUYỄN QUÝ TRỌNG **

Luật phá sản năm 2004 được Quốc hội khoá XI, kì họp thứ 5 thông qua ngày 15/6/2004 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/10/2004 thay thế Luật phá sản doanh nghiệp năm 1993. Luật phá sản năm 2004 ra đời ghi nhận nhiều cơ chế, chính sách mới, góp phần tạo môi trường và hành lang pháp lí thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp nói riêng và phát triển kinh tế nói chung. Tuy nhiên, qua hơn một năm áp dụng Luật phá sản năm 2004 cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả thực thi đạo luật này trong đời sống doanh nghiệp nói riêng, đời sống kinh tế - xã hội nói chung. Bài viết này phân tích một số hạn chế, bất cập chủ yếu của Luật phá sản năm 2004.

Thứ nhất, về phạm vi, đối tượng áp dụng. Luật phá sản năm 2004 áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; đối với các doanh nghiệp đặc biệt trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và trong các lĩnh vực thường xuyên, trực tiếp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu do Chính phủ sẽ quy định cụ thể danh mục và áp dụng.⁽¹⁾ Như vậy, theo quy định này, chỉ có những cơ sở, sản xuất kinh doanh nào được pháp luật quy định là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã mới thuộc đối tượng áp dụng trong

Luật phá sản năm 2004. Quy định này có những điểm chưa phù hợp và thiếu tính khoa học vì một số lí do sau đây:

- Việc quy định tại Điều 2 Luật phá sản năm 2004 về phạm vi, đối tượng áp dụng vô hình trung đã dẫn tới sự xung đột pháp luật, không thống nhất, cụ thể là giữa hai đạo luật: Luật thương mại năm 2005 và Luật phá sản năm 2004. Theo quy định của Luật thương mại năm 2005, thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng kí kinh doanh.⁽²⁾ Trong quá trình hoạt động kinh doanh thương nhân cũng có thể bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn và có thể bị phá sản. Thương nhân là pháp nhân, khi bị phá sản sẽ được áp dụng theo thủ tục được quy định trong luật phá sản, còn trường hợp thương nhân là cá nhân có đăng kí kinh doanh bị phá sản thì áp dụng theo thủ tục pháp lí nào khi mà đối tượng này không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật phá sản năm 2004. Mặt khác, trong nền kinh tế nước ta thì hộ kinh doanh cá thể (trước đây gọi là cá nhân kinh doanh) là một trong những chủ thể kinh doanh được Nhà nước thừa nhận có tư cách pháp lí để tham gia các hoạt động kinh doanh, thương mại trên thị trường. Vì vậy, quy định tại Điều 2 của Luật phá sản đã thể hiện sự đối

* Trường Đại học Luật Hà Nội

xử bất bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh. Do đó, trong định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phá sản ở nước ta cần tính đến việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật phá sản đối với các đối tượng là cá nhân nhằm phù hợp với xu hướng chung, trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Luật phá sản chủ yếu lấy quy mô kinh doanh (là doanh nghiệp hay hộ kinh tế gia đình) làm căn cứ để xác định phạm vi, đối tượng áp dụng phá sản là điều không hợp lí, nếu không muốn nói là thiếu cơ sở, trên cả phương diện lí luận cũng như thực tiễn.⁽³⁾ Suy cho cùng, dù tồn tại dưới hình thức pháp lí là doanh nghiệp hay không phải là doanh nghiệp nhưng nếu đã là nhà kinh doanh thì đều phải tham gia hoạt động với mong muốn tìm kiếm được lợi nhuận trong khuôn khổ mà pháp luật không cấm. Vì vậy, dù phương diện nào thì họ cũng muốn được Nhà nước phải có những thể chế hỗ trợ, bảo hộ nhằm duy trì và phát triển. Do đó, đều là người kinh doanh nhưng khi lâm vào tình trạng phá sản thì đối tượng không được gọi là doanh nghiệp sẽ không được áp dụng các thủ tục pháp lí được quy định trong Luật phá sản. Điều này không những ảnh hưởng tới lợi ích của bản thân các doanh nghiệp này mà lợi ích chính đáng của các chủ nợ và nhà đầu tư sẽ không được đảm bảo, bởi điều dễ nhận thấy là trong trường hợp cá nhân bị phá sản thì bản thân chủ nợ cũng không biết dựa vào thủ tục hay quy chế nào thực hiện quyền đòi nợ của mình đối với con nợ và đồng nghĩa nó có thể kéo theo nhiều hệ lụy khôn lường cho xã hội.

- Nhìn chung các đạo luật của các quốc gia trên thế giới thường không phân biệt đối

tượng thương nhân là pháp nhân hay thương nhân là cá nhân, thậm chí luật phá sản của những quốc gia này cũng áp dụng cho trường hợp mà con nợ không phải là thương nhân. Điều đó cũng có nghĩa trong xu hướng phát triển, các đạo luật về phá sản sẽ mở rộng phạm vi áp dụng cho người kinh doanh và những người tiêu dùng. Trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, các đạo luật của Việt Nam, trong đó có Luật phá sản đều phải đáp ứng nguyên tắc quan trọng được áp dụng cho pháp luật là minh bạch hoá pháp luật. Do đó, không nên và không thể phải xây dựng thêm một đạo luật, hoặc chỉ ít một văn bản dưới luật để áp dụng phá sản cho hộ kinh doanh bên cạnh Luật phá sản năm 2004.

Thứ hai, vấn đề tài sản chung của vợ chồng, khi vợ hoặc chồng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên công ty hợp danh mà doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh bị phá sản. Về vấn đề tài sản chung của vợ chồng hiện nay có nhiều văn bản pháp luật điều chỉnh, trong đó phải kể đến như Bộ luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật phá sản... Xác định rõ ràng khối tài sản chung, tài sản riêng của vợ (chồng) trong phá sản doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả thực thi đạo Luật phá sản trong đời sống đồng thời bảo vệ lợi ích cho chủ nợ và ngay cả con nợ. Luật hôn nhân và gia đình quy định, trong trường hợp không có chứng cứ chứng minh tài sản mà vợ chồng đang có là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó là tài sản chung.⁽⁴⁾ Như vậy, để xác định đâu là tài sản riêng của mỗi người trong khối tài sản chung đó thì phải xác định theo sự chứng minh đối với tài sản và quyền tài sản để bóc

tách nhằm thực hiện các nghĩa vụ đối với các chủ thể khác. Thực hiện mục đích này thường được tiến hành theo hai cách, có thể thực hiện sự thoả thuận phân chia tài sản hoặc nếu không thoả thuận được thì có quyền yêu cầu yêu cầu toà án giải quyết. Vấn đề cần đặt ra ở đây cho thấy làm thế nào để giải quyết thoả đáng trong tài sản riêng, chung của vợ chồng khi áp dụng thủ tục phá sản mà vợ (chồng) là chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh trong công ti hợp danh? Do đó, về vấn đề này, khi giải quyết, cần lưu ý một số điểm cơ bản sau đây:

- Theo quy định tại Điều 90 Luật phá sản thì chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên công ti hợp danh của công ti hợp danh sẽ không được miễn trừ nghĩa vụ về tài sản đối với các chủ nợ chưa được thanh toán, nghĩa là phải dùng những tài sản khác (trừ những tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người) ngoài tài sản kinh doanh thanh toán cho chủ nợ nhằm giải phóng nợ. Quy định như vậy, khó có thể đưa ra một lí do hợp lí để giải thích cho sự bất bình đẳng giữa các chủ thể đồng thời sẽ có thể là nguy cơ dẫn tới hệ lụy bất lợi cho bản thân con nợ không chỉ dưới góc độ kinh tế thuần túy mà còn ảnh hưởng tới những vấn đề gia đình và xã hội. Tuy nhiên, điều luật đã quy định cứng cho những con nợ chịu trách nhiệm vô hạn nhưng bên cạnh đó điều đáng nói là phải chăng từ những quy định bất lợi như vậy, các con nợ này có thể tìm mọi kẽ hở của pháp luật để trốn tránh nghĩa vụ tài sản, đặc biệt là trong trường hợp liên quan tới khối tài sản chung của vợ chồng. Thực tế cho thấy, ngoài vợ, chồng hoặc cơ quan toà án, tùy theo từng trường hợp có

quyền quyết định sự bóc tách khỏi tài sản đó thì không có trường hợp ngoại lệ nào dành cho các đối tượng khác được thực hiện quyền này. Điều này đồng nghĩa với việc, vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài sản thì con nợ sẽ tìm mọi cách để kéo dài hoặc không thực hiện việc phân chia tài sản chung, gây ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình giải quyết vụ phá sản và trong việc bảo vệ lợi ích của các chủ nợ.

- Luật phá sản quy định cho các đối tượng có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản (chủ nợ, người lao động, chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước, cổ đông công ti cổ phần, thành viên hợp danh) và nghĩa vụ nộp đơn của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản. Thực hiện quyền này được ghi nhận bằng việc thể hiện cụ thể trong nội dung đơn gửi cho cơ quan toà án theo quy định. Tuy nhiên, điều dễ nhận thấy, đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản bao gồm nhiều nội dung khác nhau tùy thuộc vào yêu cầu của người đòi nợ và cũng phụ thuộc vào từng địa vị pháp lí của họ nhưng việc yêu cầu xác định, phân chia khối tài sản chung vợ chồng nhằm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phá sản thì không được ghi nhận trong các lá đơn này.⁽⁵⁾ Như vậy, nếu quy định như trong Luật phá sản, vô hình trung đã tước đi một phần quyền của chính các chủ nợ trong việc đòi nợ đồng thời lợi ích của các chủ nợ cũng bị ảnh hưởng, mặc dù có thể con nợ vẫn còn tài sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ nhưng không thực hiện nhằm mục đích không trong sáng, lẩn trốn nghĩa vụ. Mặc dù điều luật cũng đề cập trường hợp trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, nếu nhận thấy doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng

phá sản thì cơ quan toà án, cơ quan thanh tra, cơ quan quản lý vốn, tổ chức kiểm toán hoặc cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp mà không phải là chủ sở hữu nhà nước của doanh nghiệp có nhiệm vụ thông báo cho các đối tượng có quyền nộp đơn để họ xem xét việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, trong đó cũng không nói rõ cụ thể nội dung đơn cần phải có yêu cầu phân chia khối tài sản chung vợ, chồng nhằm phục vụ cho việc giải quyết phá sản doanh nghiệp.

- Bản chất của quan hệ tài sản giữa vợ và chồng là quan hệ dân sự, theo đó việc phân chia khối tài sản chung đó thuộc thẩm quyền của toà dân sự. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 7 Luật phá sản năm 2004 thì việc giải quyết vụ phá sản thuộc thẩm quyền của toà kinh tế. Vấn đề cần được xem xét ở đây là, nếu có yêu cầu phân chia tài sản thì toà án nào giải quyết sẽ là phù hợp? Nếu toà dân sự giải quyết thì có lẽ cũng không ổn, sẽ là phù hợp về bản chất quan hệ tài sản - quan hệ dân sự nhưng tài sản chung vợ chồng lúc này lại nằm trong một quan hệ khác- quan hệ phá sản doanh nghiệp. Ngược lại, nếu toà kinh tế giải quyết thì không đúng với thẩm quyền, bản chất quan hệ và trình tự thủ tục thực hiện trong quá trình giải quyết vụ phá sản. Giải quyết vấn đề này, chúng tôi cho rằng, có thể việc xử lý tài sản chung vợ chồng liên quan đến vụ phá sản thuộc thẩm quyền của toà kinh tế, vì: 1) Theo hiệu lực của Luật phá sản thì trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật phá sản và quy định của luật khác về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của Luật phá sản; 2) Khi thực tế giải quyết vụ phá sản có liên quan đến việc

phân chia tài sản chung của vợ chồng sẽ do thẩm phán phụ trách trực tiếp giải quyết, tuy nhiên việc giải quyết này khác với việc giải quyết vụ dân sự thông thường ở chỗ không cần thiết lập phiên toà với đầy đủ thành phần hội đồng xét xử, gồm thẩm phán và hội thẩm nhân dân theo quy định, do đó cần phải xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể về trường hợp này như là một ngoại lệ⁽⁶⁾ nhằm bảo vệ được lợi ích chính đáng của các chủ nợ, con nợ và giải quyết vụ phá sản đạt hiệu quả nhất đồng thời cũng cần phải tính đến một số thủ tục có thể được áp dụng như: Tạm đình chỉ, đình chỉ; thủ tục kê biên, định giá, phân chia, hoặc các trường hợp việc phân chia tài sản chung của vợ chồng gặp những trở ngại khó khăn khó khắc phục như sự vắng mặt chính đáng, ốm đau, bệnh tật?...

Thứ ba, hoạt động của tổ quản lý, thanh lý tài sản, thẩm phán phụ trách việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Đồng thời với việc ra quyết định mở thủ tục phá sản thẩm phán sẽ ra quyết định thành lập tổ quản lý, thanh lý tài sản. Thành phần tổ quản lý, thanh lý tài sản gồm: Một chấp hành viên của cơ quan thi hành án cùng cấp làm tổ trưởng, một cán bộ của toà án, một đại diện chủ nợ, đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã bị mở thủ tục phá sản; trong trường hợp cần thiết có sự tham gia của đại diện công đoàn, đại diện người lao động, đại diện các cơ quan chuyên môn. Tổ quản lý, thanh lý tài sản thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.⁽⁷⁾ Quyết định mở thủ tục phá sản của cơ quan toà án đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đã đặt ra một thủ tục pháp lý đặc biệt đồng thời kéo

theo những hệ quả pháp lí nhất định như: Các giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã, các vấn đề về thi hành án dân sự, các biện pháp cần thiết nhằm bảo toàn tài sản của doanh nghiệp, các việc về danh sách chủ nợ, thực hiện quyền đòi nợ của chủ nợ... Bên cạnh đó, sau khi đã ra quyết định thủ tục mở thủ tục phá sản, thẩm phán có thể quyết định áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc không áp dụng thủ tục này. Phục hồi hoạt động kinh doanh là một thủ tục độc lập và là một nội dung rất quan trọng trong thủ tục phá sản (tách bạch với thủ tục thanh lí tài sản trong phá sản). Luật phá sản năm 2004 quy định nhiều điểm mới về thủ tục phục hồi của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản so với Luật năm 1993 về đối tượng có quyền xây dựng phương án phục hồi, theo đó không chỉ có doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản phải lập phương án phục hồi mà Luật phá sản năm 2004 còn cho phép bất kì chủ nợ hoặc người nào nhận nghĩa vụ phục hồi đều có quyền xây dựng dự thảo phương án phục hồi. Nội dung phương án phục hồi phải xác định rõ các biện pháp cần thiết để phục hồi như: Đổi mới công nghệ, tổ chức lại bộ máy quản lí, bán lại cổ phần cho chủ nợ, bán hoặc cho thuê tài sản không cần thiết... và thời hạn, kế hoạch thanh toán các khoản nợ cho các chủ nợ. Phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được xem xét, nhất trí tại hội nghị chủ nợ bằng nghị quyết của hội nghị chủ nợ. Tuy nhiên, để có thể triển khai phương án phục hồi nhằm tạo điều kiện giúp doanh nghiệp thoát khỏi sự phá sản thì Nghị quyết của hội

nghị chủ nợ phải được thẩm phán công nhận bằng quyết định, nghị quyết đó sẽ có hiệu lực đối với tất cả các bên có liên quan. Sau khi thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, tổ quản lí, thanh lí tài sản giải thể.⁽⁸⁾ Như vậy, có thể nhận thấy rằng tổ quản lí, thanh lí tài sản được thành lập đồng thời với việc thẩm phán ra quyết định mở thủ tục phá sản nhưng có thể bị giải thể khi nghị quyết về phương án phục hồi được công nhận. Tuy nhiên, việc công nhận nghị quyết hội nghị chủ nợ chưa phải đã kết thúc yêu cầu mở thủ tục phá sản, nó là cơ sở để tạo cho doanh nghiệp những cơ hội có thể thoát khỏi tình trạng mất khả năng thanh toán. Khi kết thúc giai đoạn phục hồi, toà án phải ra một trong hai quyết định, hoặc đình chỉ thủ tục phục hồi hoặc mở thủ tục thanh lí tài sản. Hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã trong trường hợp áp dụng thủ tục thanh lí tài sản cần phải có sự tham gia của tổ quản lí, thanh lí tài sản; tuy nhiên, từ việc phân tích trên cho thấy, nhà làm luật đã không đưa ra bất kì điều luật nào để thành lập lại tổ quản lí, thanh lí tài sản nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ. Thiếu sót này, chúng tôi cho rằng có thể sẽ là nguyên nhân dẫn tới sự lúng túng, tùy tiện và không thống nhất giữa các toà án trong giải quyết vụ phá sản. Theo chúng tôi, để đảm bảo việc giải quyết vụ phá sản thông suốt, thẩm phán phụ trách vụ phá sản sẽ ra quyết định thành lập lại tổ quản lí, thanh lí tài sản đồng thời với việc quyết định mở thủ tục thanh lí tài sản.

Thứ tư, tài sản phá sản. Xác định tài sản phá sản của con nợ nhằm xem xét khả năng tài chính, khả năng thanh toán đồng thời là cơ sở giúp cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo toàn tài sản và các thủ tục tố tụng phù hợp để giải quyết việc phá sản đối với con nợ. Về vấn đề này, luật phá sản của các nước có những quy định khác nhau nhưng nhìn chung chủ yếu dựa vào những điểm cơ bản như: Xác định khối tài sản có thể căn cứ vào thời điểm và thủ tục giải quyết vụ phá sản, hoặc có thể căn cứ vào loại hình tài sản, nguồn tài sản hoặc xác định nhóm tài sản loại trừ theo thời điểm phát sinh tài sản, phạm vi không gian tài sản (Luật phá sản của Nhật Bản), tính chất sở hữu của tài sản (Luật phá sản của Trung Quốc, Cộng hoà Liên bang Nga), giá trị tài sản, mục đích, công dụng của tài sản (Luật phá sản của Mỹ, Luật phá sản của Cộng hoà liên bang Đức)⁽⁹⁾. Tại Điều 49 Luật phá sản năm 2004 quy định tài sản phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản bao gồm: “a) Tài sản và quyền về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã có tại thời điểm toà thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; b) Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước khi toà án thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; c) Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản

của doanh nghiệp, hợp tác xã; d) Giá trị quyền sử dụng đất của doanh nghiệp, hợp tác xã được xác định theo quy định của pháp luật về đất đai”. Bằng phương pháp liệt kê, có thể nhận thấy nhà lập pháp đã xác định có bốn loại tài sản, quyền về tài sản được coi là tài sản phá sản. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc liệt kê tài sản như vậy đã bộc lộ rất nhiều hạn chế, có thể được xem xét trên những phương diện chủ yếu sau:

- Tài sản phá sản được quy định tại Điều 49 chưa phản ánh hết các loại tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, vì tài sản phá sản còn bao gồm cả những tài sản thông qua việc thực hiện các giao dịch trong khoảng thời gian ba tháng trước ngày toà án thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản bị coi là vô hiệu như tặng cho động sản và bất động sản cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn, các giao dịch nhằm mục đích tẩu tán tài sản. Như vậy, những tài sản thu hồi được từ các giao dịch vô hiệu phải nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc tài sản và quyền tài sản do được thừa kế, hoặc tài sản và quyền tài sản thu được từ các giao dịch không công bằng của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản để xác định chính xác khối tài sản phá sản của con nợ.

- Nếu xác định tài sản phá sản chỉ có tại thời điểm thụ lí đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là không hợp lí, bởi vì như đã phân tích ở phần trên thì trong trường hợp, thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của hội nghị chủ nợ về áp dụng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ đồng nghĩa với việc doanh nghiệp được thực hiện

các giao dịch với các chủ thể khác nhằm thực hiện hiệu quả phương án kinh doanh dưới sự giám sát của tổ quản lí, thanh lí tài sản. Theo đó, thông qua việc thực hiện các hợp đồng hiệu quả thì khối tài sản của doanh nghiệp sẽ được bổ sung. Như vậy, khối tài sản của doanh nghiệp không chỉ đơn thuần được xác định tại thời điểm toà án thụ lí đơn.

- Để thực hiện việc đòi nợ đối với con nợ thì pháp luật quy định rằng trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng đăng báo về quyết định của toà án mở thủ tục phá sản, các chủ nợ phải gửi giấy đòi nợ cho toà án. Giấy đòi nợ phải ghi rõ các khoản nợ, số nợ đến hạn và chưa đến hạn, số nợ có bảo đảm và số nợ không có bảo đảm, đồng thời phải gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về các khoản nợ đó. Hết thời hạn này, các chủ nợ không gửi giấy đòi nợ thì được coi là từ bỏ quyền đòi nợ, trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan sẽ không tính vào thời hạn 60 ngày nêu trên. Như vậy, quyền đòi nợ của chủ nợ hay cụ thể hơn là lợi ích của chủ nợ trong vụ phá sản doanh nghiệp phải được gắn liền với thủ tục gửi giấy đòi nợ trong thời hạn luật định. Điều có thể nhận thấy, nếu doanh nghiệp được phép kí kết, thực hiện các giao dịch với các nhà đầu tư khác trong khuôn khổ phương án kinh doanh đã được công nhận thì sẽ xảy ra hai tình huống, hoặc là hoạt động có hiệu quả hoặc là không có hiệu quả, theo đó doanh nghiệp sẽ được áp dụng các thủ tục tương ứng. Bên cạnh đó số lượng các chủ nợ hoặc con nợ của doanh nghiệp cũng được giảm đi hoặc tăng lên phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong khi đó điều

luật chi quy định muốn thực hiện quyền đòi nợ phải gửi giấy đòi nợ trong thời hạn 60 ngày, vậy vấn đề đặt ra là, các chủ nợ (phát sinh thêm trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh) sẽ thực hiện việc đòi nợ trong vụ phá sản ở thời điểm nào? mặc dù thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan không tính vào thời hạn đó, nhưng việc phát sinh các chủ nợ không nằm trong điều kiện mở rộng này và cũng không biết thực hiện quyền đòi nợ khi nào là đúng. Thiết nghĩ, để đảm bảo phát huy hiệu quả Luật phá sản trong cuộc sống cần phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể về những trường hợp này nhằm bảo vệ cao nhất cho lợi ích của các chủ nợ và ngay chính bản thân doanh nghiệp phá sản, tạo một động lực mới cho việc ổn định, phát triển kinh tế và làm trong sạch môi trường kinh doanh trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế./.

(1).Xem: Điều 2 Luật phá sản năm 2004.

(2).Xem: Khoản 1 Điều 6 Luật thương mại.

(3).Xem: PGS.TS Dương Đăng Huệ, "*Pháp luật phá sản của Việt Nam*", Nxb. Tư pháp năm 2005, tr. 239.

(4).Xem: Khoản 3 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

(5).Xem: Các điều, từ Điều 13 đến Điều 18 Luật phá sản năm 2004.

(6). Điều 3 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính quy định: "*Người khởi kiện vụ án hành chính có thể đồng thời yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại; trong trường hợp này, các quy định của pháp luật dân sự, pháp luật tố tụng dân sự cũng được áp dụng để giải quyết yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại*".

(7).Xem: Điều 9, Điều 10 Luật phá sản năm 2004.

(8).Xem: Khoản 1 Điều 73 Luật phá sản năm 2004.

(9).Xem: Trương Hồng Hải, "*Đặc điểm của Quy chế xác định tài sản doanh nghiệp phá sản của Việt Nam và những đề xuất sửa đổi*", Tạp chí luật học số 1/2004, tr.59.